

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT

Ngày 07- 5- 2020

V/v Chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Ông Trịnh Út Mười, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “chia tài sản sau khi ly hôn”; do Bản án sơ thẩm số 188/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1993, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn M, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị B, sinh năm 1991, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã K, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông C, Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Chị B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2017 anh A và chị B kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Bản án số 87/HNGĐ-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc

Liêu đã xét xử giải quyết về quan hệ hôn nhân, xử cho chị B được ly hôn với anh A, không giải quyết về quan hệ tài sản.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019 nguyên đơn anh A trình bày: Anh và chị B có tài sản chung, hiện chị B đang quản lý và yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: 10 chỉ vàng 24k, 03 chỉ vàng 18k, (trong đó dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24k và vòng đeo tay 03 chỉ vàng 18k); 01 điện thoại Iphone 8 giá trị 24.000.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng. Đến ngày 20/11/2019 anh A rút lại yêu cầu chia 03 chỉ vàng 18k và số tiền 7.000.000 đồng; chỉ yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k, 01 điện thoại Iphone 8 giá trị 24.000.000 đồng.

Theo bị đơn chị B trình bày tại các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm: Chị và anh A có các tài sản gồm: 10 chỉ vàng 24k, (dây chuyền 05 chỉ vàng 24k và lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24k), 03 chỉ vàng 18k, (vòng đeo tay). Tuy nhiên, sau khi kết hôn đã bán sử dụng 03 chỉ vàng 18k, (vòng đeo tay) để trả nợ và chị không quản lý 01 điện thoại Iphone 8 giá trị 24.000.000 đồng, không có số tiền 7.000.000 đồng. Đối với 10 chỉ vàng 24k hiện nay cũng không còn, do chị đã sử dụng chi xài cá nhân hết khi chị sống ly thân với anh A, nên không đồng ý chia cho anh A.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 188/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị B. Chia cho anh A 05 chỉ vàng 24k; chia cho chị B 05 chỉ vàng 24k. Buộc chị B có nghĩa vụ giao trả cho anh A 05 chỉ vàng 24k.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia 01 điện thoại Iphone 8 của anh A.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 03 chỉ vàng 18k và số tiền 7.000.000 đồng của anh A.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh A phải nộp 1.050.000 đồng, anh A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.035.800 đồng, theo Biên lai thu số 0003991 ngày 07/10/2019 được chuyển thu án phí, anh A còn phải nộp tiếp 14.200 đồng. Chị B phải nộp án phí số tiền 1.050.000 đồng. Các đương sự nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2020, chị B kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chị không đồng ý chia 05 chỉ vàng 24k cho anh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông C trình bày cho rằng: Quá trình chị B và anh A chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị B mở tiệm (cửa hàng uốn tóc), đi lại từ Bạc Liêu lên Thành phố Hồ Chí Minh, mua quà nhân dịp lễ, tết thăm cha mẹ, là có chi phí thực tế và chị B đã bán 10 chỉ vàng 24k tài sản chung sử dụng hết. Tòa án cấp sơ thẩm xử chia đôi tài sản chung 10 chỉ vàng 24k là chưa đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị B, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia 10 chỉ vàng 24k của anh A.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm anh A không thừa nhận biết việc chị B bán 10 chỉ vàng 24k và cùng sử dụng; tại cấp sơ thẩm chị B đã thừa nhận 10 chỉ vàng 24k hiện cũng không còn, do chị đã bán sử dụng chi xài cá nhân khi chị bỏ về nhà cha mẹ chị sống ly thân, nên cấp sơ thẩm xác định tài sản chung chị B quản lý, buộc chia đôi là có cơ sở. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đề nghị của Luật sư, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của Luật sư, đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Năm 2017 anh A và chị B kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Bản án số 87/HNGĐ-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử giải quyết về quan hệ hôn nhân, xử cho chị B được ly hôn với anh A, không giải quyết về quan hệ tài sản, nên anh A có yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với chị B.

[2] Ngày cưới anh A và chị B được gia đình anh A cho tài sản, trong đó có 10 chỉ vàng 24k (gồm 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24k và 01 tấm lắc đeo tay 05 chỉ vàng 24k).

Chị B kháng cáo không đồng ý chia cho anh A 05 chỉ vàng 24k. tại cấp phúc thẩm chị B cho rằng 10 chỉ vàng 24k tài sản chung, nhưng chị và anh A đã

tiêu xài hết khi ở Thành phố Hồ Chí Minh, không phải chị tiêu xài cá nhân và cung cấp xác nhận của Công an xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, có nội dung anh A và chị B có đăng ký lưu trú từ ngày 20/5/2019 đến 20/6/2019, trước đó anh A nhiều lần đăng ký lưu trú.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, anh A không thừa nhận biết chị B bán và đã tiêu xài hết 10 chỉ vàng 24k khi chung sống với chị B tại xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cùng ngày 20/11/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm chị B đã xác định, tài sản chung gởi mẹ chồng giữ hộ, khi vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân mẹ chồng trả lại chị 10 chỉ vàng 24k và chị đã tiêu xài hết khi sống ly thân với anh A, khi bán tài sản cũng không báo cho anh A (các bút lục 34, 38 và 60 đến 62).

Tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tài sản chung của vợ chồng: “1. Tài sản chung của vợ chồng gồm... tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung...”; tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn: “2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi....”.

[4] Như vậy, tại cấp phúc thẩm chị B xác định tài sản chung 10 chỉ vàng 24k chị và anh A đã cùng sử dụng hết là không có cơ sở, mà có căn cứ xác định 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung, do chị B quản lý, nên anh A yêu cầu chia đôi là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên chia đôi tài sản chung, chia cho anh A 05 chỉ vàng 24k, chia cho chị B 05 chỉ vàng 24k và buộc chị B có nghĩa vụ giao trả cho anh A 05 chỉ vàng 24k là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị B cũng như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị B, mà cần chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm về Hôn nhân và gia đình chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị B và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 188/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị B.

Chia cho anh A 05 (năm) chỉ vàng 24k; chia cho chị B 05 (năm) chỉ vàng 24k.

Buộc chị B có nghĩa vụ giao trả cho anh A 05 (năm) chỉ vàng 24k.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia 01 điện thoại Iphone 8 của anh A.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia 03 chỉ vàng 18k và số tiền 7.000.000 đồng của anh A.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh A phải nộp 1.050.000 đồng, anh A đã nộp tạm ứng án phí 1.035.800 đồng, theo Biên lai thu số 0003991 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí, anh A còn phải nộp tiếp 14.200 đồng, (mười bốn nghìn hai trăm đồng). Chị B phải nộp án phí số tiền 1.050.000 đồng, (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Các đương sự nộp tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

5. Án phí phúc thẩm chị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0004150 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương

